

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 2496/TTr-SNV ngày 28 tháng 8 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này bộ thủ tục hành chính áp dụng chung tại phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4693/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện; UBND các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VP Chính phủ);
- Trung tâm Thông tin Dịch vụ công;
- Báo ĐN, Công TTĐT T/p, Đài DRT;
- Lưu: VT, SNV, KSTT.

  
**CHỦ TỊCH**  
Huỳnh Đức Thọ



**BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA**  
**UBND PHƯỜNG, XÃ TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3954 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2019  
của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Áp dụng cơ chế một cửa	Áp dụng cơ chế một cửa liên thông	Mã số dịch vụ công	Trang
<b>I. Lĩnh vực: Hộ tịch</b>					
1.	Thủ tục đăng ký khai sinh (kể cả trường hợp trẻ em bị bỏ rơi)	X		001	10
2.	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	X		002	14
3.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	X		003	19
4.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	X		004	23
5.	Thủ tục đăng ký khai tử	X		005	28
6.	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	X		006	31
7.	Thủ tục đăng ký lại khai tử	X		007	34
8.	Thủ tục đăng ký kết hôn	X		008	37
9.	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	X		009	40
10.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	X		010	43
11.	Thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	X		011	46
12.	Thủ tục đăng ký việc giám hộ	X		012	51
13.	Thủ tục đăng ký chấm dứt việc giám hộ	X		013	54
14.	Thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ	X		014	57

15.	Thủ tục đăng ký việc nhận cha, mẹ, con	X		015	63
16.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	X		016	66
17.	Thủ tục thay đổi, cải chính cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung thông tin hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	X		017	71
18.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	X		018	75
19.	Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi	X		019	78
20.	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi	X		020	83
<b>II. Lĩnh vực: Chứng thực</b>					
1.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	X		021	86
2.	Thủ tục chứng thực chữ ký (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	X		022	87
3.	Chứng thực di chúc	X		023	89
4.	Thủ tục Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	X		024	90
5.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, văn bản khai nhận di sản thừa kế là đất, tài sản gắn liền với đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở nhưng có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Khoản 1,2,3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013	X		025	91
6.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	X		026	93
7.	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	X		027	94
8.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	X		028	96
9.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được	X		029	97

	chứng thực				
10.	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc	X		030	98
11.	Thủ tục Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	X		031	99
<b>III. Lĩnh vực: Đất đai và nhà ở</b>					
1.	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai	X		032	102
2.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận biển số nhà	X		033	105
3.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận biển số nhà	X		034	107
<b>IV. Lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo</b>					
1.	Thủ tục Đăng ký thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, tư thục	X		035	109
2.	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, tư thục	X		036	111
3.	Thủ tục Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, tư thục (theo đề nghị chính đáng của tổ chức, cá nhân đứng tên xin thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục)	X		037	113
<b>V. Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội</b>					
1.	Thủ tục xác nhận diện khó khăn, đói nghèo, tai nạn, bệnh tật	X		038	115
2.	Thủ tục xác nhận hồ sơ xin hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng		X	039	116
3.	Thủ tục điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng		X	040	137
4.	Thủ tục đề nghị trợ giúp xã hội đột xuất (hỗ trợ lương thực cho hộ gia đình thiếu lương thực, hỗ trợ người bị thương nặng)		X	041	138
5.	Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp xã hội		X	042	142



	thường xuyên theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP				
6.	Thủ tục Giải quyết hỗ trợ chi phí mai táng cho một số đối tượng được trợ giúp đột xuất theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP		X	043	144
7.	Thủ tục hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở đối với đối tượng được trợ giúp đột xuất theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP		X	044	147
8.	Thủ tục xác nhận cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi (cấp mới và cấp đổi do sai lệch thông tin về nhân thân của trẻ như: họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh so với giấy khai sinh của trẻ)		X	045	151
9.	Thủ tục giải quyết hồ sơ tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội vào cơ sở trợ giúp xã hội		X	046	158
10.	Thủ tục chuyển hồ sơ của đối tượng bảo trợ xã hội khi thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện trong thành phố		X	047	165
11.	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ của đối tượng bảo trợ xã hội khi thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện trong thành phố		X	048	166
12.	Thủ tục giải quyết trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện trong thành phố		X	049	167
13.	Thủ tục cấp giấy xác nhận khuyết tật cho người khuyết tật	X		050	169
14.	Thủ tục Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	X		051	175
15.	Thủ tục Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	X		052	179
16.	Thủ tục xác nhận đối tượng hộ thoát nghèo để miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên	X		053	182

VI. Lĩnh vực: Người có công					
1.	Thủ tục xác nhận hồ sơ giải quyết trợ cấp người tham gia kháng chiến hoặc con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hoá học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam		X	054	183
2.	Thủ tục xác nhận hồ sơ giải quyết trợ cấp một lần đối với người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày		X	055	189
3.	Thủ tục xác nhận hồ sơ xét công nhận chế độ hưởng chính sách như thương binh		X	056	197
4.	Thủ tục xác nhận hồ sơ xét công nhận chế độ liệt sĩ		X	057	200
5.	Thủ tục xác nhận hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp phương tiện trợ giúp và dụng cụ chỉnh hình		X	058	204
6.	Thủ tục xác nhận hồ sơ giải quyết chế độ cho gia đình tự quy tập xây dựng mộ liệt sĩ trong nghĩa trang gia tộc hoặc nghĩa trang liệt sĩ		X	059	207
7.	Thủ tục xác nhận hồ sơ cấp sổ ưu đãi giáo dục - đào tạo		X	060	210
8.	Thủ tục xác nhận hồ sơ giải quyết tuất từ trần cho thân nhân Lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, thương binh, bệnh binh có tỷ lệ thương tật, bệnh tật từ 61% trở lên từ trần		X	061	214
9.	Thủ tục xác nhận hồ sơ giải quyết trợ cấp khó khăn đột xuất của đối tượng chính sách		X	062	218
10.	Thủ tục xác nhận hồ sơ giải quyết trợ cấp thường xuyên đối với người có công với cách mạng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn theo Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND		X	063	219
11.	Thủ tục xác nhận hồ sơ giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP		X	064	226
12.	Thủ tục xác nhận hồ sơ giải quyết chế độ mai táng phí và trợ cấp một lần đối với người có công với cách mạng từ trần		X	065	230

13.	Thủ tục xác nhận hồ sơ cấp mới thẻ bảo hiểm y tế đối với người có công với cách mạng		X	066	235
14.	Thủ tục xác nhận hồ sơ cấp mới thẻ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh theo Nghị định 150/2006/CP		X	067	238
15.	Thủ tục xác nhận hồ sơ giải quyết trợ cấp hàng tháng đối với người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ thương tật từ 21% đến 30% đang hưởng trợ cấp hàng tháng thuộc hộ cận nghèo		X	068	241
16.	Thủ tục xác nhận hồ sơ giải quyết công nhận người đảm nhận thờ cúng liệt sĩ		X	069	246
17.	Thủ tục xác nhận hồ sơ giải quyết chuyển đổi người đảm nhận thờ cúng liệt sĩ		X	070	250
18.	Thủ tục xác nhận hồ sơ tiếp nhận người có công cách mạng vào Trung tâm Phụng dưỡng người có công cách mạng		X	071	253
19.	Thủ tục xác nhận giải quyết chính sách đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong kháng chiến		X	072	254
20.	Thủ tục xác nhận giải quyết Chế độ mai táng phí đối với các đối tượng theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ		X	073	258
21.	Thủ tục cấp mới thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) đối với các đối tượng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.		X	074	262
22.	Thủ tục chuyển hồ sơ của người có công khi thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện trong thành phố		X	075	266
<b>VII. Lĩnh vực: Giao thông vận tải</b>					
1.	Thủ tục cấp phép hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe		X	076	269

	thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô 02 bánh và các loại xe tương tự				
2.	Thủ tục cấp đổi, cấp lại thẻ hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô 02 bánh và các loại xe tương tự	X		077	271
3.	Thủ tục xác nhận hồ sơ cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để thực hiện các hoạt động kinh doanh buôn bán (áp dụng đối với các tuyến đường trên 7,5m thuộc quận Ngũ Hành Sơn)		X	078	273
4.	Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để cá nhân hoạt động thương mại (áp dụng đối với các tuyến đường trên 7,5m thuộc quận Ngũ Hành Sơn)		X	079	276
5.	Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để thực hiện các hoạt động kinh doanh buôn bán (trừ các tuyến đường trên 7,5m thuộc quận Ngũ Hành Sơn)	X		080	279
6.	Thủ tục Cấp Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để cá nhân hoạt động thương mại (trừ các các tuyến đường trên 7,5m thuộc quận Ngũ Hành Sơn)	X		081	282
7.	Thủ tục Cấp Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp (trừ các tuyến đường trên 7,5m thuộc quận Ngũ Hành Sơn và các tuyến đường thuộc quận Hải Châu quy định tại Phụ lục I, Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND của UBND thành phố)	X		082	285
8.	Thủ tục Cấp Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông	X		083	288



	đôi với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để tập kết vật liệu xây dựng phục vụ việc sửa chữa, xây dựng nhà (trừ các tuyến đường trên 7,5m thuộc quận Ngũ Hành Sơn và các tuyến đường thuộc quận Hải Châu quy định tại Phụ lục I, Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND của UBND thành phố)				
9.	Thủ tục Cấp Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để lắp đặt các công trình phục vụ công cộng; lắp đặt quảng cáo và lắp đặt trạm chờ xe buýt theo tuyến xe buýt được duyệt	X		084	291
10.	Thủ tục Cấp Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để làm mặt bằng tập kết máy móc, thiết bị, phục vụ thi công các công trình xây dựng	X		085	295
11.	Thủ tục Cấp Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với trường hợp sử dụng tạm thời vỉa hè để tổ chức các hoạt động văn hoá, xã hội, tuyên truyền	X		086	298
<b>VIII. Lĩnh vực: Tín ngưỡng, tôn giáo</b>					
1.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	X		087	301
2.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	X		088	304
3.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	X		089	307
4.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	X		090	310
5.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	X		091	313
6.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	X		092	316
7.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	X		093	319
8.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn	X		094	321

	giáo tập trung đến địa bàn xã khác				
9.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	X		095	324
10	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	X		096	326
<b>IX. Lĩnh vực: Môi trường</b>					
1.	Thủ tục đăng ký công trình khai thác nước dưới đất	X		097	329